CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành

Ngày 30/09/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.3%	**1.2%**	**-**

DT thuần
Q3/25
74.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.10| -10.9%
YoY: ▲ 2.30| 3.2%

LN thuần
Q3/25
4.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.89| 1497%
YoY: ▲ 2.08| 101%

LN sau thuế
Q3/25
3.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.60| 1092%
YoY: ▲ 2.14| 120%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.7%
YoY: +/-▲ 5.3%

ROE (TTM)
Q3/25
-0.8%
YoY: +/-▲ 1.4%

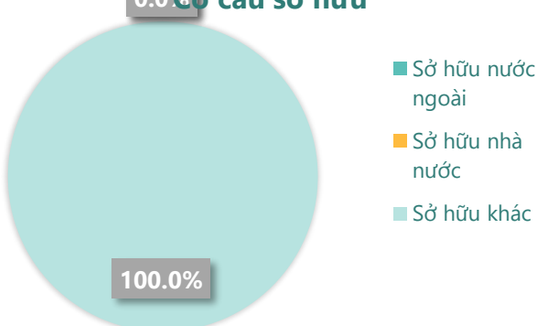
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,153 - 7,249
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	73
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,560
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.91
EPS	-97
P/E	-62.8

DT thuần
9T 2025
238
tỷ VNĐ
YoY: ▼61.0| -20.3%

LN thuần
9T 2025
1.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.6| -93.7%

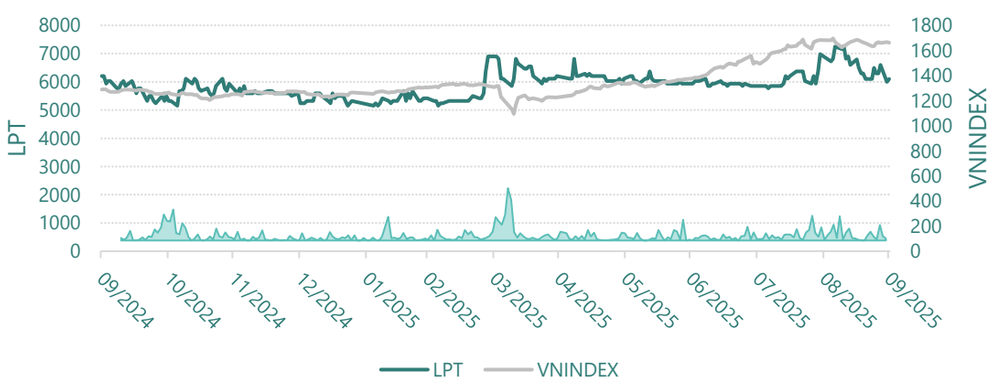
LN sau thuế
9T 2025
1.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.4| -93.6%

Cơ cấu sở hữu

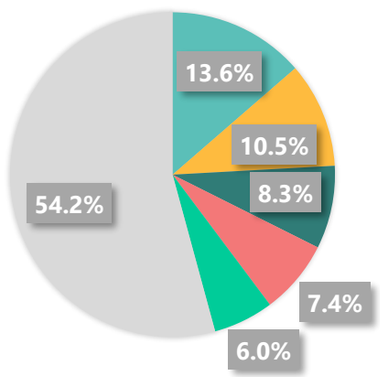


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



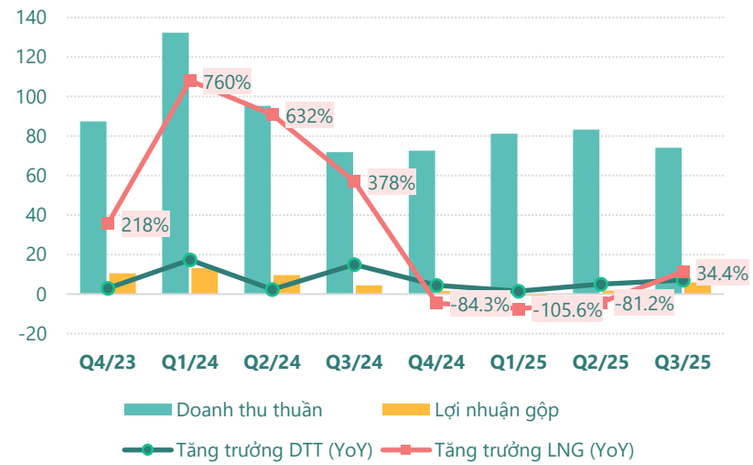
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

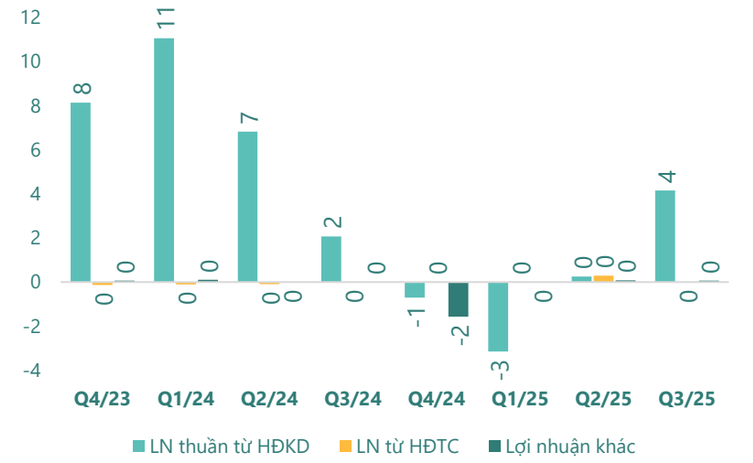
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



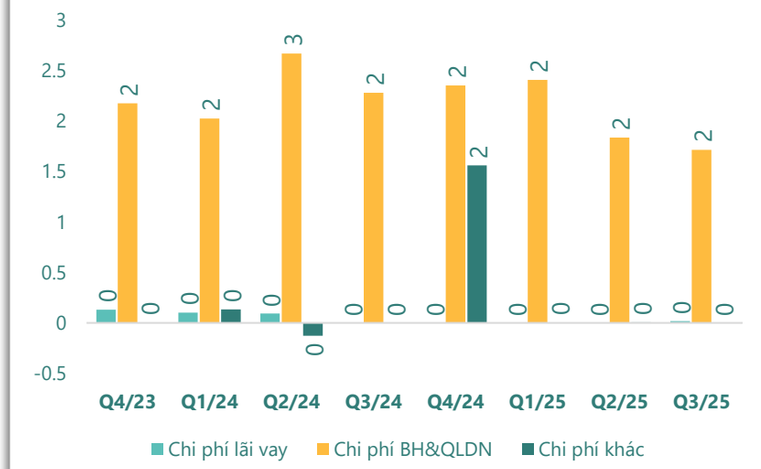
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



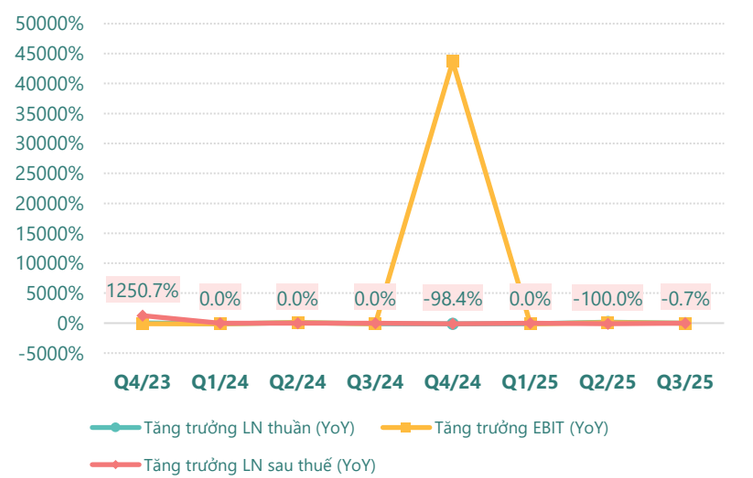
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



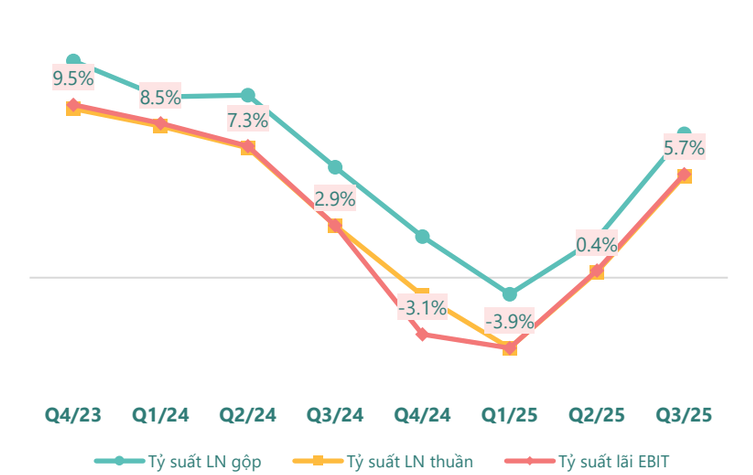
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



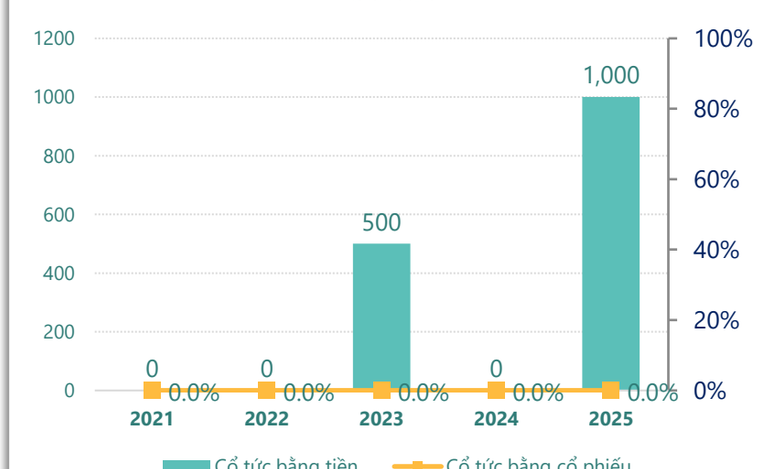
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

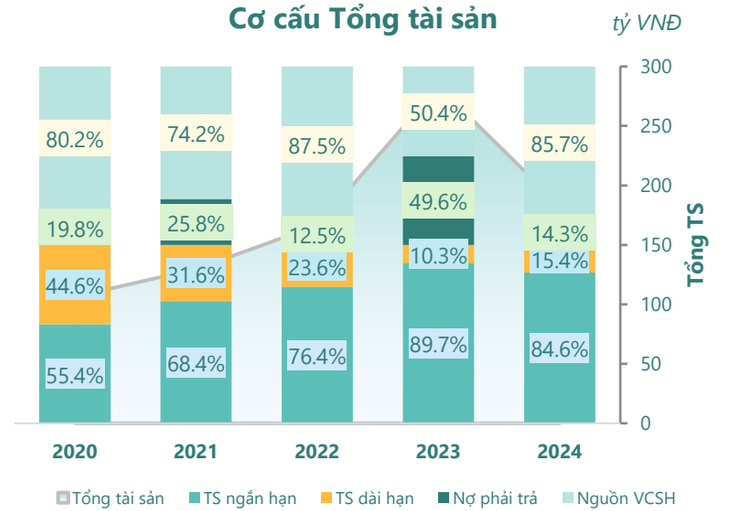
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

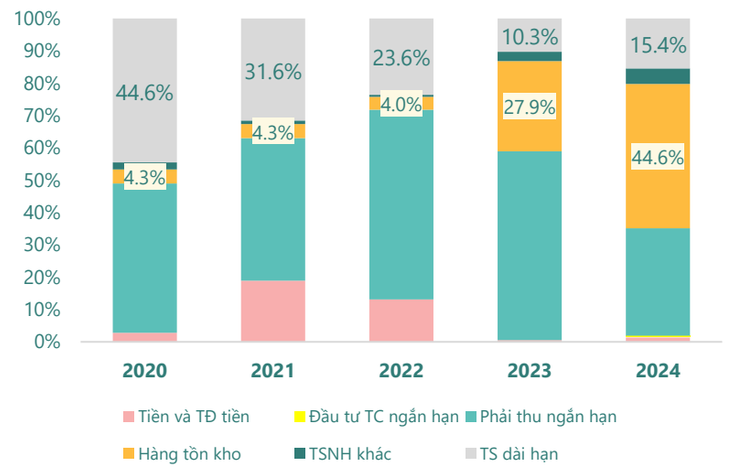
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



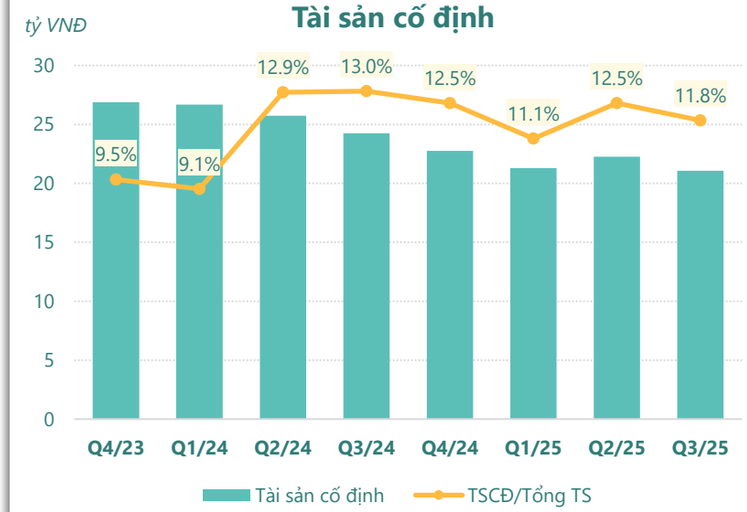
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



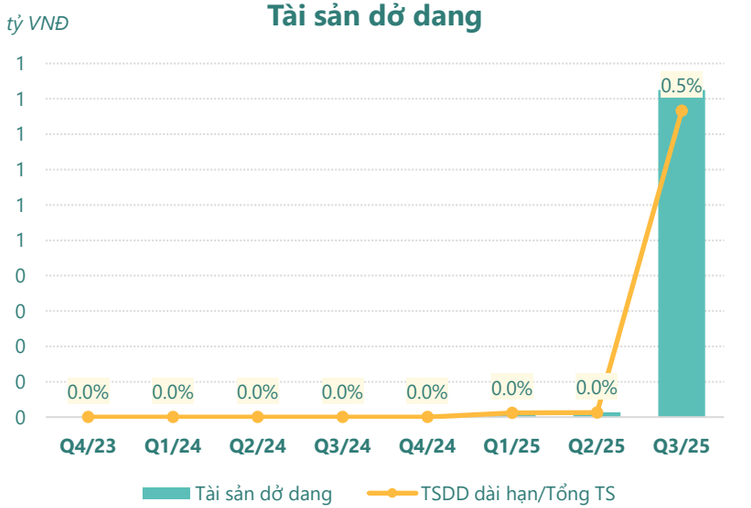
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



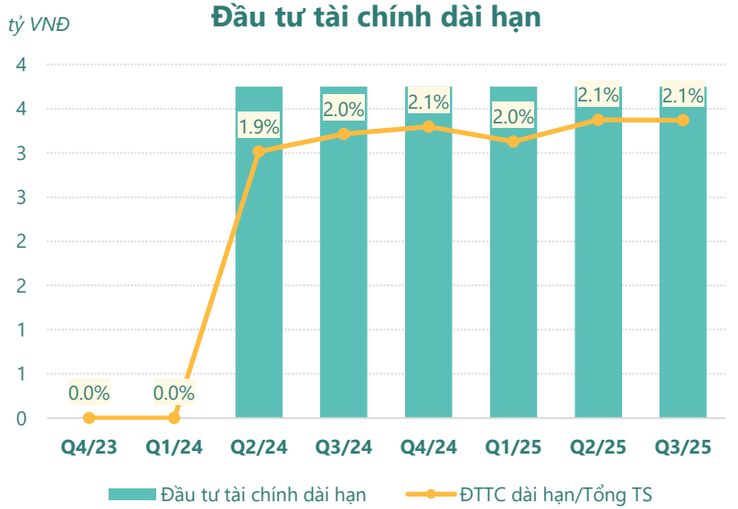
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



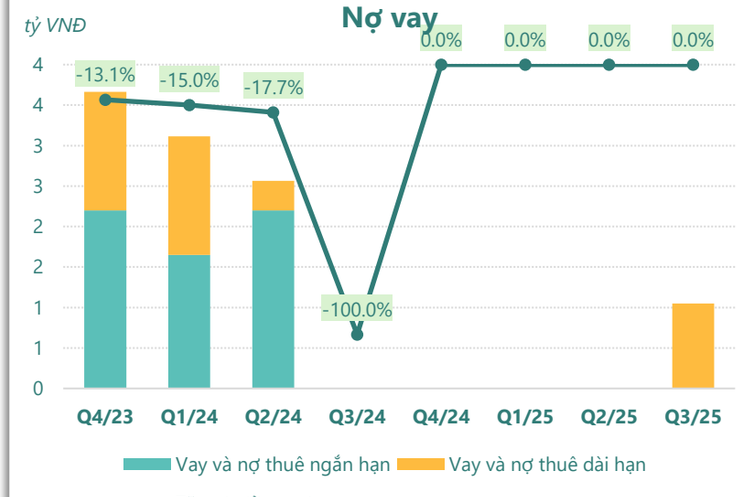
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

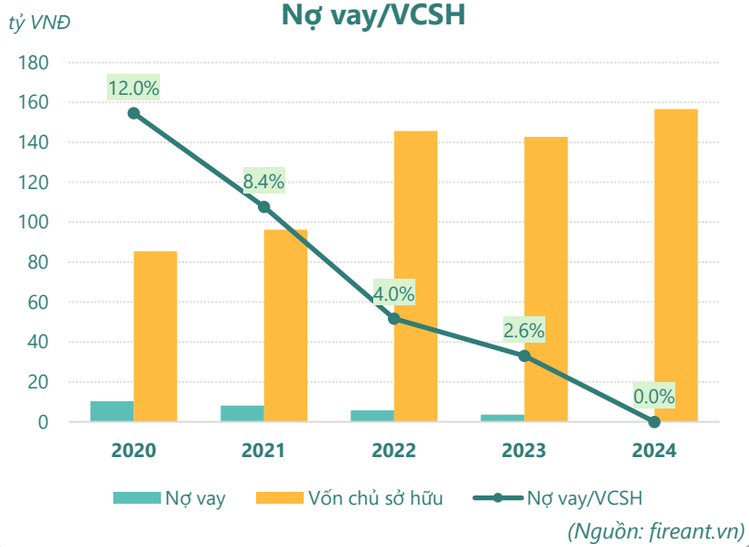
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

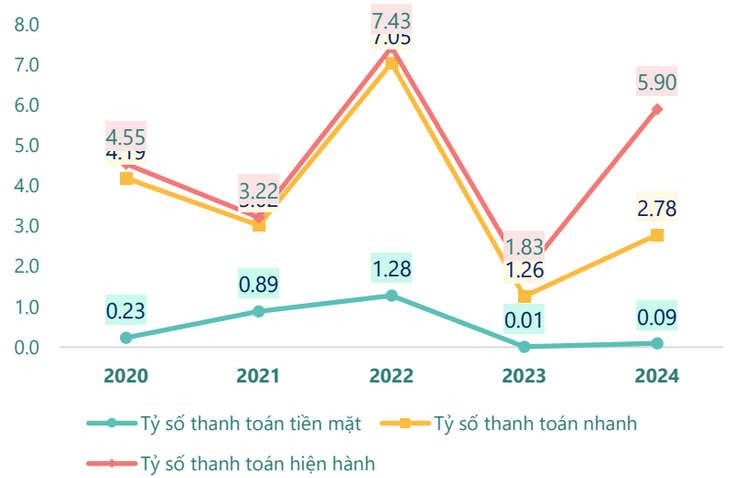
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



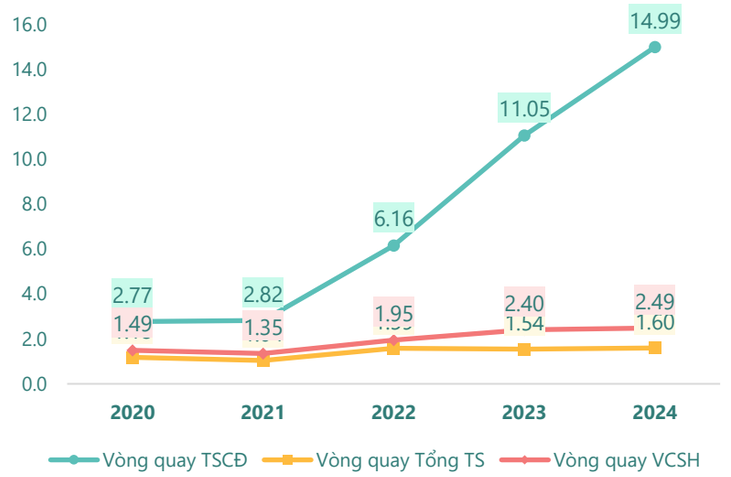
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



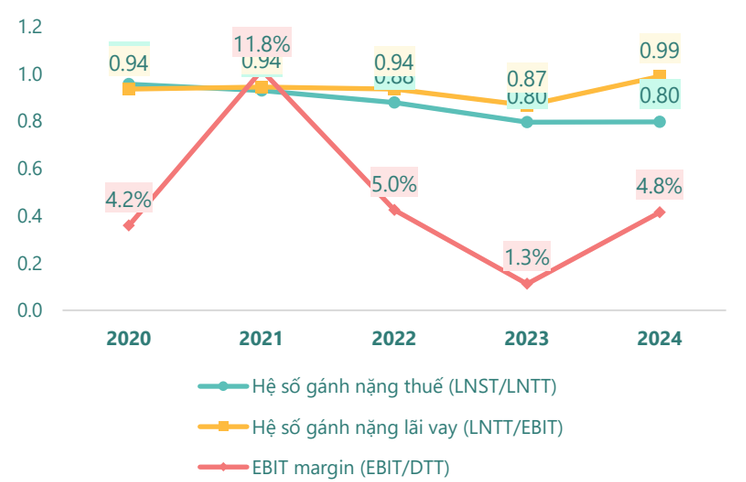
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



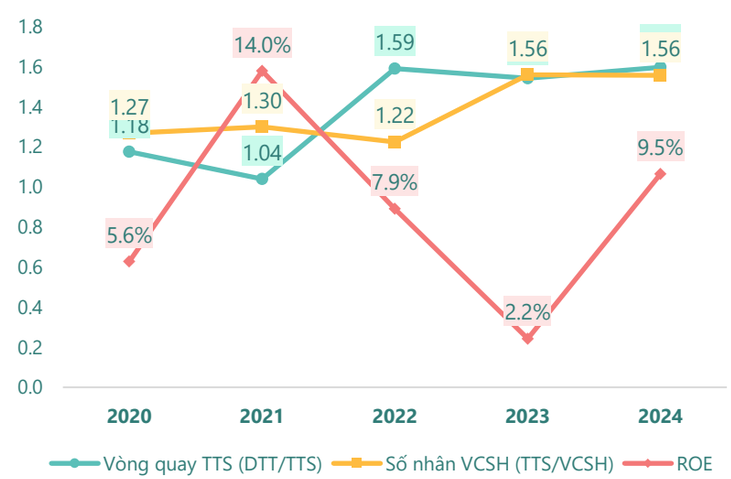
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



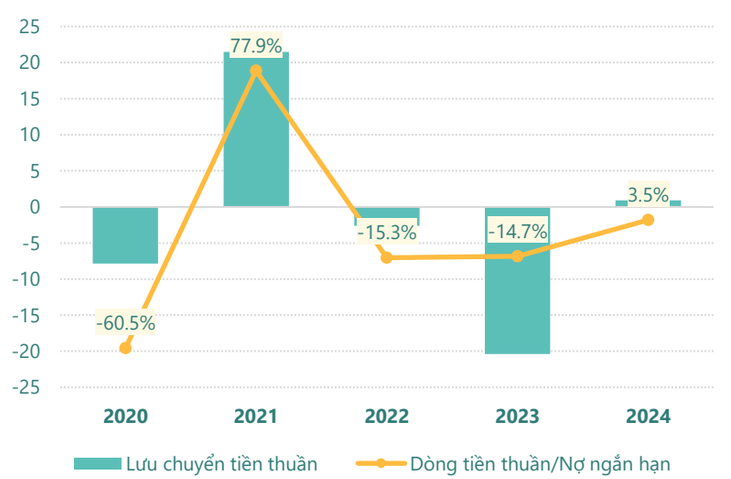
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**74.1**	**71.8**	**3.2%**	**238**	**299**	**-20.3%**
Giá vốn hàng bán	68.2	67.4	1.2%	232	272	-14.9%
Lợi nhuận gộp	5.88	4.38	34.3%	6.95	27.1	-74.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.30	0.00	7575%
Chi phí TC	0.02	0.03	-45.9%	0.02	0.22	-92.7%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.02	0.20	-91.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.27	0.44	-39.0%	0.87	1.38	-37.2%
Chi phí QLDN	**1.45**	**1.84**	**-21.2%**	**5.10**	**5.60**	**-8.9%**
LN thuần từ HĐKD	4.15	2.07	101%	1.27	19.9	-93.7%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.00**		**0.13**	**0.11**	**22.9%**
LN trước thuế	4.21	2.07	103%	1.40	20.1	-93.0%
Lợi nhuận sau thuế	**3.93**	**1.79**	**120%**	**1.12**	**17.5**	**-93.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.93**	**1.79**	**120%**	**1.12**	**17.5**	**-93.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.05	3.70	0.90	3.56	-2.34	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.55	-0.46	0.01	0.00	-1.42	-1.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	-2.67	0.11	0	0	-9.38
Tiền đầu kỳ	7.99	0.83	1.40	2.42	5.98	2.22
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.16**	**0.57**	**1.01**	**3.57**	**-3.76**	**3.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.83	1.40	2.42	5.98	2.22	5.55

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**183**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	151	155	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	5.55	2.42	130%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	55.1	60.9	-9.4%
Hàng tồn kho	80.8	81.7	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.65	8.73	-0.8%
Tài sản dài hạn	**26.9**	**28.2**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.1	22.8	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.93	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.75	3.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.16**	**1.71**	**-32.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.2	26.2	23.0%
Nợ ngắn hạn	**31.2**	**26.2**	**19.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.6	15.0	11.2%
Nợ dài hạn	1.05	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	1.05	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**146**	**157**	**-6.9%**
Vốn chủ sở hữu	**146**	**157**	**-6.9%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)